TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2020/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 23 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân* sự: Anh Cà Văn D, sinh năm 1989 và chị Lò Thị T, sinh năm 1992 cùng trú tại: Bản L Q, xã M, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Cà Văn D và chị Lò Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2010 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, B, huyện Mai Sơn vào ngày 27/01/2010.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không hợp nhau thường xuyên cãi cọ bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã nhiều lần dẫn đến xô xát ảnh hưởng đến sự phát triển, tình cảm của các con. Mặc dù đã được 02 gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng anh chị xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, anh D, chị

T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh D, chị T.

[2] Về con chung: Anh D, chị T có 02 con chung là các cháu Cà Tuấn Khang, sinh ngày 07/01/2011 và cháu Cà Thị Kim Huệ, sinh ngày 12/12/2012. Anh chị thống nhất sau khi ly hôn: Anh Cà Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Cà Tuấn Khang đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Cà Thị Kim Huệ đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh D, chị T tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung vợ chồng: Anh chị tự nguyện thỏa thuận. Nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh D nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2020 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Cà Văn D và chị Lò Thị T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Cà Tuấn Khang, sinh ngày 07/01/2011 cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc chausTuaans Khang cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Cà Thị Kim Huệ, sinh ngày 12/12/2012 cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Kim Huệ cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh D, chị T tự nguyện thỏa thuận .Nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Cà Văn D nhận nộp T bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0000212 ngày 03 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã N, B;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự:
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nông Văn Thịnh